

Bản án số: 08/2025/KDTM-PT  
Ngày: 13/01/2025  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Bà Ngô Thị Phúc Hảo

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Thy Thơ

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 9 và ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 223/2024/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 62/2024/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6348/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 17456/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 108/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ trụ sở: 89 LH, phường LH, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, Số 96 CT, Phường R, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Gia Đ, sinh năm 2000. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 17512/2024/UQN-PGD ngày 24/12/2024) - *có mặt*.

**Bị đơn:** Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S; Địa chỉ trụ sở: 311 LHP, Phường W, Quận QP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Huy Q, sinh năm 1984; Địa chỉ thường trú: 94/635B NK, Phường E, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật - *vắng mặt*.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Lê Nguyễn H, sinh

năm 1984; Địa chỉ: 41/68/66 Tổ 31, Ấp 5 (Ấp 37), xã ĐT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Lê Nguyễn H: ông Lê Đăng Anh V, ông H Võ Phước H2; cùng địa chỉ: R7, BV, Phường QT, Quận QP, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 20/12/2024 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Sáu) - có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Lê Nguyễn H là: ông Đỗ Văn L và ông Đàm Văn H1 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Lập Phương; Địa chỉ: R7, BV, Phường QT, Quận QP, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Trần Lê Nguyễn H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2024 và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, ông Lê Gia Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:**

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S (gọi tắt là Công ty S) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) với nội dung như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22890 ngày 30/7/2022 tại Ngân hàng V - Chi nhánh Gò Vấp; Hạn mức cho vay: 2.500.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động buôn bán đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm).

Ngân hàng V đã giải ngân số tiền vay Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22890 ngày 30/7/2022 lần lượt theo các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

+ Khế ước nhận nợ số: 080922-6849489-ONL-23 ngày 09/9/2022 (Mã HĐ LD2225201712); số tiền vay: 300.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,30%/năm, điều chỉnh 1 tháng/ lần; Ngày giải ngân: 09/9/2022; Ngày đến hạn: 08/3/2023;

Ngày quá hạn: 08/3/2023, tạm tính đến ngày 13/9/2024, Công ty S đã trả được 56.393.345 đồng (Trong đó: 30.001.182 đồng tiền gốc, 26.392.163 đồng tiền lãi); Còn nợ 397.724.697 đồng (Trong đó: 269.998.818 đồng tiền gốc, lãi trong hạn: 2.665.514 đồng, lãi quá hạn: 124.836.170 đồng, lãi chậm trả: 224.195 đồng);

+ Khế ước nhận nợ số 130922 6849489-ONL-24 ngày 13/9/2022; số tiền vay: 300.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,30%/năm, điều chỉnh 1 tháng/ lần; Ngày giải ngân: 13/9/2022; Ngày đến hạn: 13/3/2023;

Ngày quá hạn: 13/3/2023, tạm tính đến ngày 13/9/2024, Công ty S đã trả được 25.352.146 đồng (Trong đó: 0 đồng tiền gốc, 25.352.146 đồng tiền lãi);

Còn nợ 441.882.541 đồng (Trong đó: 300.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn: 3.459.361 đồng, lãi quá hạn: 137.900.959 đồng, lãi chậm trả: 522.221 đồng).

+ Khế ước nhận nợ số: 2520922 6849489-ONL-25 ngày 22/9/2022; số tiền vay: 139.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,30%/năm, điều chỉnh 1 tháng/lần; Ngày giải ngân: 22/09/2022; Ngày đến hạn: 20/3/2023.

Ngày quá hạn: 20/3/2023, tạm tính đến ngày 13/9/2024, Công ty S đã trả được 11.051.819 đồng (Trong đó: 0 đồng tiền gốc, 11.051.819 đồng tiền lãi); Còn nợ 204.568.297 đồng (Trong đó: 139.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn: 2.163.463 đồng, lãi quá hạn: 63.082.389 đồng, lãi chậm trả: 322.445 đồng).

+ Khế ước nhận nợ số: 2520922 6849489-ONL-26 ngày 22/9/2022; số tiền vay: 89.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,30%/năm, điều chỉnh 1 tháng/lần; Ngày giải ngân: 22/9/2022; Ngày đến hạn: 20/3/2023.

Ngày quá hạn: 20/3/2023, tạm tính đến ngày 13/9/2024, Công ty S đã trả được 7.076.346 đồng (Trong đó: 0 đồng tiền gốc, 7.076.346 đồng tiền lãi); Còn nợ 130.982.577 đồng (Trong đó: 89.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn: 1.385.238 đồng, lãi quá hạn: 40.390.882 đồng, lãi chậm trả: 206.457 đồng).

+ Khế ước nhận nợ số: 150223-6849489-ONL-27 ngày 15/02/2023; số tiền vay: 1.000.065.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 21,30%/năm, điều chỉnh 1 tháng/lần; Ngày giải ngân: 15/02/2023; Ngày đến hạn: 15/8/2023.

Ngày quá hạn: 15/3/2023, tạm tính đến ngày 13/09/2024, Công ty S đã trả được 0 đồng; Còn nợ 1.472.143.768 đồng (Trong đó: 1.000.065.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn: 16.340.788 đồng, lãi quá hạn: 453.280.146 đồng, lãi chậm trả: 2.457.834 đồng).

+ Khế ước nhận nợ số: 150223-6849489-ONL-28 ngày 15/02/2023; số tiền vay: 199.935.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 21,30%/năm, điều chỉnh 1 tháng/lần; Ngày giải ngân: 15/02/2023; Ngày đến hạn: 15/8/2023.

Ngày quá hạn: 15/3/2023, tạm tính đến ngày 13/9/2024, Công ty S đã trả được 0 đồng; Còn nợ 294.313.934 đồng (Trong đó: 199.935.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn: 3.266.883 đồng, lãi quá hạn: 90.620.676 đồng, lãi chậm trả: 491.375 đồng).

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tất cả tài sản cá nhân của ông Trần Lê Nguyễn H qua Hợp đồng bảo lãnh với nội dung ông Trần Lê Nguyễn H đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty S trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng V và Công ty S theo Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/22890/BLCN ngày 30/7/2022.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22890 ngày 30/7/2022, Công ty S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng V đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 08/3/2023.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên mặc dù Ngân hàng V nhiều lần làm việc với đại diện Công ty và các bên bảo lãnh để yêu cầu thanh toán.

Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Công ty S và ông Trần Lê Nguyễn H thực hiện nghĩa vụ như sau:

1. Công ty S phải trả ngay một lần cho Ngân hàng V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 13/9/2024 gồm: nợ gốc: 1.997.998.818 đồng, nợ lãi trong hạn: 29.281.247 đồng, nợ lãi quá hạn : 910.111.222 đồng, nợ lãi chậm trả: 4.224.528 đồng. Tổng cộng: 2.941.615.815 đồng.

Công ty S vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V.

2. Trường hợp Công ty S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì ông Trần Lê Nguyễn H phải có trách nhiệm thanh toán thay toàn bộ khoản nợ vay Công ty S theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22890/BLCN ngày 30/7/2022 đã ký kết.

\* *Bị đơn Công ty S*: Vắng mặt trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và không gửi văn bản nêu ý kiến.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Lê Nguyễn H trình bày tại bản tự khai ngày 05/7/2024 và ông H Nhật D là người đại diện theo ủy quyền trình bày tại biên bản hoàn giải ngày 26/7/2024 có nội dung như sau:*

Công ty S do vợ chồng ông Đỗ Huy Q và bà Nguyễn Thị Ngọc D thành lập, do là bạn bè nên ông H chỉ đứng tên đại diện pháp luật công ty dùm, mọi hoạt động của công ty đều do ông Q, bà Diệu điều hành, chi phối. Ông H không tham gia điều hành và không được hưởng bất kỳ thù lao, lợi ích nào từ công ty. Do tin tưởng nên ông H ký các giấy tờ liên quan đến hoạt động công ty mà không xem qua nội dung mỗi khi có yêu cầu từ phía ông Q, bà D. Ngay cả việc ông H ra tại các chi nhánh ngân hàng để giao dịch, việc ông H chỉ ký mà không biết nội dung văn bản ký là gì.

Đến khoảng tháng 03/2023, ông H thuộc đối tượng nợ xấu nên không thể tiếp tục vay tiền, cũng như do ông H không muốn dính líu đến hoạt động công ty nữa nên vợ chồng ông Q đã đề nghị ông H làm thủ tục để chuyển nhượng toàn bộ vốn góp, thay đổi người đại diện pháp luật và chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ trước đó của ông H cho bà D. Ngày 13/3/2023, Phòng đăng ký kinh doanh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, theo đó người đại diện pháp luật của công ty là bà D nên từ ngày 13/3/2023 ông H không còn liên quan gì đến Công ty S.

Ông H có nhận được thông báo của Ngân hàng V về nợ quá hạn của Công ty S, ông đều đã nhắn tin thông báo cho bà D và ông Q để xử lý. Vì vậy ông H đề nghị tòa triệu tập ông Q và bà D tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện ông H trình bày:* Ông Trần Lê Nguyễn H không đồng ý trả thay khoản nợ của Công ty S trong trường hợp Công ty S không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng, bởi đây là khoản nợ của Công ty S vay Ngân hàng thì công ty phải có trách nhiệm trả nợ chứ ông Trần Lê Nguyễn H không có liên quan gì đến khoản nợ này. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại giá trị pháp lý của Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22890/BLCN ngày 30/7/2022 được ký kết giữa ông Trần Lê Nguyễn H với Ngân hàng TMCP V.

*Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 62/2024/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 13/9/2024 là 2.941.615.815đ (Hai tỷ, chín trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm mười lăm ngàn, tám trăm mười lăm đồng) trong đó nợ gốc là 1.997.998.818đ, nợ lãi trong hạn là 29.281.247đ, nợ lãi chậm trả là 4.224.528đ, nợ lãi quá hạn là 910.111.222đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22890 ngày 30/7/2022, khế ước nhận nợ số 080922-6849489-ONL-23 ngày 09/9/2022, khế ước nhận nợ số 130922-6849489-ONL-24 ngày 13/9/2022, khế ước nhận nợ số 220922-6849489-ONL-25 ngày 22/9/2022, khế ước nhận nợ số 220922-6849489-ONL-26 ngày 22/9/2022, khế ước nhận nợ số 150223-6849489-ONL-27 ngày 15/02/2023, khế ước nhận nợ số 150223-6849489-ONL-28 ngày 15/02/2023.

1.2 Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì ông Trần Lê Nguyễn H phải có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22890/BLCN ngày 30/7/2022.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ông Trần Lê Nguyễn H có đơn kháng cáo đề ngày 25/9/2024, với lý do bản án sơ thẩm chưa khách quan, chưa thỏa đáng, quyền và lợi ích hợp pháp của ông H không được đảm bảo. Ông H kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị sửa án sơ

thảm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn theo Hợp đồng bảo lãnh. Tuy hợp đồng bảo lãnh số EGV/22890/BLCN ngày 30/7/2022 vô hiệu vì thiếu chủ thể là Bên được bảo lãnh và điều kiện tài sản bảo đảm không đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Bộ luật Dân sự.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Người đại diện hợp pháp của ông H trình bày kháng cáo:* Ông Trần Lê Nguyễn H không đồng ý trả thay khoản nợ của Công ty S trong trường hợp Công ty S không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng, bởi Công ty S hoạt động độc lập nên phải chịu trách nhiệm độc lập đối với khoản vay chứ ông Trần Lê Nguyễn H không có liên quan gì đến khoản nợ này. Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22890/BLCN ngày 30/7/2022 được ký kết giữa ông Trần Lê Nguyễn H với Ngân hàng TMCP V không tuân thủ theo quy định của pháp luật vì thiếu chủ thể tham gia là Công ty S. Việc bảo lãnh của ông H nhưng không thể hiện cụ thể tài sản bảo đảm là gì là vi phạm quy định về tài sản bảo đảm nên không có giá trị. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H phải trả nợ thay cho Công ty S và tuyên bố hợp đồng bảo lãnh vô hiệu do thiếu chủ thể khi ký kết và không đáp ứng điều kiện về tài sản bảo đảm. Ngoài ra đề nghị xem xét thêm về trách nhiệm của bị đơn đã vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn không đồng ý toàn bộ kháng cáo của ông H với lý do chủ thể hợp đồng bảo lãnh được thực hiện phù hợp theo quy định của Điều 335 Bộ luật Dân sự và Thông tư 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 của Ngân hàng Nhà nước quy định về bảo lãnh ngân hàng. Hợp đồng có nội dung hình thức phù hợp quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp lý. Đồng thời theo các quy định tại khoản 7 Điều 292, Điều 335 Bộ luật Dân sự là hình thức tín chấp không áp dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản cụ thể. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng vụ án: các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Ông Trần Lê Nguyễn H kháng cáo nhưng không nêu được lý do chính đáng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của ông Trần Lê Nguyễn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Phạm vi kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông Trần Lê Nguyễn H xác định chỉ kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên buộc ông H trả nợ thay cho Công ty S. Ông H không kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty S phải trả nợ cho Ngân hàng V.

[4] Về xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm: Công ty S là bị đơn không có kháng cáo, đã được tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần 1 ngày 23/12/2024 và lần 2 ngày 09/01/2025 nhưng vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét kháng cáo về việc vắng mặt của Công ty S tại cấp sơ thẩm: Trong hồ sơ thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty S bằng phương thức niêm yết công khai tại trụ sở của công ty số 311 LHP, Phường W, Quận QP và niêm yết công khai cho đại diện theo pháp luật của công ty là ông Đỗ Huy Q tại địa chỉ thường trú số 94/635B NK, Phường E, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể các văn bản tố tụng đã tổng đạt cho bị đơn gồm có: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa lần 1; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa lần 2. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thủ tục về cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn – Công ty S như trên là đầy đủ và đúng quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn - Công ty S là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là Công ty S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký, yêu cầu này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết và quyết định: *“Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 13/9/2024 là 2.941.615.815đ trong đó nợ gốc là 1.997.998.818đ, nợ lãi trong hạn là 29.281.247đ, nợ lãi chậm trả là 4.224.528đ, nợ lãi quá hạn là*

910.111.222đ.(...)”, do phần quyết định này không có kháng cáo nên được giữ nguyên.

[7] Xét kháng cáo về yêu cầu tuyên hợp đồng bảo lãnh EGV/22890/BLCN ngày 30/7/2022 vô hiệu.

[8] Hội đồng xét xử nhận định: Ông H được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên có quyền yêu cầu độc lập để giải quyết cùng trong vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 73, khoản 1 Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời điểm để người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đưa ra yêu cầu độc lập được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau: “*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*”. Như vậy, tại giai đoạn tố tụng mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại cấp sơ thẩm ông H không đưa ra yêu cầu độc lập về tuyên hợp đồng bảo lãnh vô hiệu, tại cấp phúc thẩm ông H có yêu cầu độc lập về tuyên hợp đồng bảo lãnh vô hiệu là không đúng quy định của luật, yêu cầu này vượt quá phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không được cấp phúc thẩm xem xét.

[9] Xét kháng cáo về quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông Trần Lê Nguyễn H phải có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty S theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22890/BLCN ngày 30/7/2022.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ông H đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không buộc ông H có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty S với lý do đây là khoản nợ độc lập của Công ty S vay Ngân hàng thì Công ty phải có trách nhiệm trả nợ chứ ông Trần Lê Nguyễn H không có liên quan gì đến khoản nợ này. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại giá trị pháp lý của Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22890/BLCN ngày 30/7/2022 được ký kết giữa ông Trần Lê Nguyễn H với Ngân hàng TMCP V.

[11] Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22890/BLCN ngày 30/7/2022 được ký kết giữa ông Trần Lê Nguyễn H với Ngân hàng V trên cơ sở tự nguyện của các bên. Hợp đồng có hình thức thể hiện bằng văn bản là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và quy định tại điểm b khoản 14 Điều 3 Thông tư 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 của Ngân hàng Nhà nước quy định về bảo lãnh ngân hàng. Hợp đồng có nội dung thỏa thuận về phạm vi bảo lãnh, nghĩa vụ của bên bảo lãnh, quyền của bên nhận bảo lãnh phù hợp theo quy định của Điều 335, Điều 336 Bộ luật Dân sự và không có nội dung trái đạo đức xã hội, vi phạm điều cấm của Luật nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

[12] Phía người đại diện ông H cho rằng hợp đồng bảo lãnh không thể hiện có sự đồng ý và xác nhận của Công ty S là bên được bảo lãnh nên vô hiệu là không phù hợp với chứng cứ vụ án, cụ thể trong Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22890 ngày 30/7/2022 ký giữa Ngân hàng và Công ty S (do chính ông



H khi đó với tư cách đại diện pháp luật của Công ty S ký tên), đã có thể hiện nội dung về việc bảo lãnh này như sau: “Điều 5. Biện pháp bảo đảm tiền vay (...) 5.1 Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của khách hàng theo Hợp đồng này và Điều kiện giao dịch chung, các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau đây: a) Bảo lãnh của: (Ông/Bà) Trần Lê Nguyễn H, (...) 5.2 Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm (...) i. Hợp đồng bảo đảm (thế chấp/cầm cố/bảo lãnh) số EGV/22890/BLCN ký ngày ...”. Vì vậy, lý do kháng cáo này không được chấp nhận.

[13] Phía người đại diện ông H cho rằng khoản nợ của Công ty S vay Ngân hàng thì Công ty phải có trách nhiệm trả nợ chứ ông Trần Lê Nguyễn H không có liên quan gì đến khoản nợ này là không phù hợp với nghĩa vụ của người bảo lãnh được quy định trong hợp đồng bảo lãnh mà ông H đã ký với Ngân hàng V. Cụ thể tại khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22890/BLCN quy định: “Các bên thống nhất thỏa thuận rằng Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng như quy định tại Điều 1 Hợp đồng này một cách vô điều kiện và không hủy ngang khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các Văn kiện tín dụng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này...” Vì vậy, lý do kháng cáo này không được chấp nhận.

[14] Từ những nhận định trên, nhận thấy yêu cầu kháng cáo của ông H là không phù hợp với quy định của pháp luật, không đúng với thỏa thuận giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp lý nên không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác toàn bộ kháng cáo là phù hợp với nhân định của Hội đồng xét xử. Quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được giữ nguyên.

[15] Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

**Tuyên xử:** Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Lê Nguyễn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

1.1 Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền còn nợ tính đến

ngày 13/9/2024 là 2.941.615.815đ (Hai tỷ, chín trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm mười lăm ngàn, tám trăm mười lăm đồng) trong đó nợ gốc là 1.997.998.818đ, nợ lãi trong hạn là 29.281.247đ, nợ lãi chậm trả là 4.224.528đ, nợ lãi quá hạn là 910.111.222đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22890 ngày 30/7/2022, khế ước nhận nợ số 080922-6849489-ONL-23 ngày 09/9/2022, khế ước nhận nợ số 130922-6849489-ONL-24 ngày 13/9/2022, khế ước nhận nợ số 220922-6849489-ONL-25 ngày 22/9/2022, khế ước nhận nợ số 220922-6849489-ONL-26 ngày 22/9/2022, khế ước nhận nợ số 150223-6849489-ONL-27 ngày 15/02/2023, khế ước nhận nợ số 150223-6849489-ONL-28 ngày 15/02/2023.

1.2 Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì ông Trần Lê Nguyễn H phải có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22890/BLCN ngày 30/7/2022.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S phải chịu số tiền là 90.832.316đ (Chín mươi triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, ba trăm mười sáu đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 40.747.350đ (Bốn mươi triệu, bảy trăm bốn mươi bảy ngàn, ba trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002201 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Lê Nguyễn H phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0020622 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 10;
- Cục THADS TP.HCM

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**Ngô Thanh Nhân**

